

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

Xã Trảng Bào

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố A2 /GCN-HN.HCN**GIẤY CHỨNG NHẬN**
HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn Trảng Bào chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà:

HỒ XUÂN

Dân tộc:

Khmer

Số CCCD/CMND:

ngày cấp:

Nơi thường trú:

Bản Khe Rông - Trảng Bào - Ninh Hòa
Quảng Bình**I. Danh sách các thành viên trong hộ gia đình:**

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (Trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	<u>Hồ Xuân</u>	<u>Khmer</u>	<u>CH</u>	<u>1999</u>		
2	<u>Hồ Phai Lê</u>	<u>Khmer</u>	<u>Vợ</u>		<u>2000</u>	
3	<u>Hồ Phai Luân</u>	<u>Khmer</u>	<u>Con</u>		<u>2018</u>	
4	<u>Hồ Ninh Trường</u>	<u>Khmer</u>	<u>Con</u>	<u>2024</u>		
5						
6						
7						
8						
9						
...						

I. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022-2025

Năm 20.....		ngày..... tháng..... năm
☐ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn (Ký tên, đóng dấu)
☐ CN	☐ 1 ☐ 3 ☐ 5 ☐ 7 ☐ 9 ☐ 11	
	☐ 2 ☐ 4 ☐ 6 ☐ 8 ☐ 10 ☐ 12	
Năm 2023...		ngày 12 tháng 4 năm 2023
☒ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn (Ký tên, đóng dấu)
☐ CN	☐ 1 ☐ 3 ☐ 5 ☐ 7 ☐ 9 ☐ 11	
	☐ 2 ☐ 4 ☐ 6 ☐ 8 ☐ 10 ☐ 12	
Năm 2024...		ngày 20 tháng 8 năm 2024
☒ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn (Ký tên, đóng dấu)
☐ CN	☐ 1 ☐ 3 ☐ 5 ☐ 7 ☐ 9 ☐ 11	
	☐ 2 ☐ 4 ☐ 6 ☐ 8 ☐ 10 ☐ 12	
Năm 2025...		ngày 11 tháng 5 năm 2025
☒ N	Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN	Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn (Ký tên, đóng dấu)
☐ CN	☐ 1 ☐ 3 ☐ 5 ☐ 7 ☐ 9 ☐ 11	
	☐ 2 ☐ 4 ☐ 6 ☐ 8 ☐ 10 ☐ 12	

Ghi chú về các từ viết tắt:

- N: Hộ nghèo; CN: Hộ cận nghèo;

- Các số từ 1 - 12 viết tắt về các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo, cụ thể:

1: Việc làm; 2: Người phụ thuộc trong hộ gia đình; 3: Dinh dưỡng; 4: Bảo hiểm y tế; 5: Trình độ giáo dục người lớn; 6: Tình trạng đi học của trẻ em; 7: Chất lượng nhà ở; 8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người; 9: Nguồn nước sinh hoạt; 10: Nhà tiêu hợp vệ sinh; 11: Sử dụng dịch vụ viễn thông; 12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

Những điều cần lưu ý:

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp 01 lần duy nhất trong giai đoạn 2018-2020 cho hộ gia đình làm căn cứ xác định những người có tên trên giấy được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm ký tên, đóng dấu xác nhận vào GCN theo kết quả phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn (ghi rõ ngày, tháng, năm xác nhận) để làm cơ sở thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo trong năm.
- Trường hợp hộ gia đình có thay đổi về thành viên, cần sửa đổi, bổ sung để thụ hưởng chính sách giảm nghèo, địa phương xem xét cấp đổi GCN mới cho hộ gia đình và thu lại GCN cũ để lưu hồ sơ quản lý.
- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được bảo quản cẩn thận để tránh hư hỏng rách nát hoặc bị mất. Trường hợp bị hư hỏng, rách nát hoặc bị mất thì được xem xét cấp đổi lại dựa trên cơ sở danh sách, dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.